|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD VÀ ĐT ĐÔNG TRIỀU**  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH** |  |

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I- NĂM HỌC 2017- 2018**

**MÔN: SINH HỌC 8**

Câu 1. Máu gồm những thành phần nào?

A. Huyết tương và các tế bào máu B. Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

C. Huyết tương và các chất dinh dưỡng. D. Huyết tương và hồng cầu

Câu 2. Vai trò của môi trường trong cơ thể:

a. Bao quanh tế bào để bảo vệ tế bào.

b. Giúp tế bào trao đổi chất với môi trường ngoài.

c. Tạo môi trường lỏng để vận chuyển các chất.

d. Giúp tế bào thải các chất thừa trong quá trình sống.

Câu 3 : Hãy chọn 2 loại bạch cầu tham gia vào quá trình thực bào :

a. Bạch cầu trung tính.

b. Bạch cầu ưa axit.

c. Bạch cầu ưa kiềm.

d. Bạch cầu đơn nhân.

e. Limpho bào.

Câu 4 : Hoạt động nào của limpho B:

a. Tiết kháng thể vô hiệu hoá kháng nguyên.

b. Thực bào bảo vệ cơ thể.

c. Tự tiết kháng thể bảo vệ cơ thể.

Câu 5 : Tế bào máu nào tham gia vào quá trình đông máu :

a. Hồng cầu

b. Bạch cầu

c. Tiểu cầu

d. Cả a, b, c.

Câu 6: Sự trao đổi khí ở phổi và tế bào diễn ra theo cơ chế?

Nồng độ B. Thẩm thấu C. Trong ngoài D. Khuếch tán

Câu 7: Loại khớp dễ dàng cử động theo mọi hướng là:

A. Khớp bất động C. Khớp bán động

B. Khớp động D. Khớp động và khớp bán động

Câu 8:

a, Bộ xương người gồm mấy phần?

b, Sự khác nhau giữa xương tay và xương chân có ý nghĩa gì đối với hoạt động của con người?

c, Phân biệt sự khác nhau giữa người và thú về xương đầu và xương thân?

\* Đáp án:

a, Bộ xương người gồm 3 phần:

\* Xương đầu:

- Xương sọ: phát triển

- Xương mặt: có lồi cằm

\* Xương thân:

- Cột sống: nhiều đốt khớp lại, có 4 chỗ cong.

- Lồng ngực: Có xương sườn, xương ức

\* Xương chi:

- Chi trên: Có xương đai vai, cánh tay, cẳng tay, bàn tay và xương các đốt ngón tay

- Chi dưới: Đai hông, xương đùi, cẳng chân, bàn chân và các đốt ngón chân.

b, -Sự khác nhau giữa xương tay và xương chân có ý nghĩa gì đối với hoạt động của con người?

|  |  |
| --- | --- |
| Xương tay | Xương chân |
| Gắn với cột sống nhờ xương đai vai | Gắn với cột sống nhờ xương đai hông |
| Đai vai gồm 2 xương đòn và 2 xương bả | Đai hông gồm 3 đôi xương: xương chậu, xương háng và xương ngồi gắn với xương cùng cụt và gắn với nhau tạo nên khung xương chậu vững chắc |
| Các khớp cổ tay và bàn tay linh hoạt | Xương cổ chân có xương gót phát triển về phía sau làm cho S bàn chân đế lớn, đảm bảo sự cân bằng vững chắc cho tư thế đứng thẳng.  Xương bàn chân hình vòm làm cho bàn chân có S tiếp xúc với mặt đất nhỏ hơn S bàn chân đế, giúp việc đi lại dễ dàng hơn. |

c, . Phân biệt sự khác nhau giữa người và thú về xương đầu và xương thân?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người | | Thú |
| Xương đầu | - Xương sọ não lớn hơn xương mặt, xương trán rộng và đứng  - Xương mặt có lồi cằm  - Thể tích hộp sọ lớn | - Xương sọ não nhỏ hơn xương mặt, trán nhỏ, nằm nghiêng  - Xương mặt không có lồi cằm  - Thể tích hộp sọ nhỏ |
| Xương thân | - Cột sống đứng và có dạng chữ S, có 4 chỗ cong  - Lồng ngực rộng theo 2 bên, hẹp theo lưng bụng | - Cột sống có hình cung,nằm  ngang  - Lồng ngực hẹp theo 2 bên,  rộng theo lưng bụng. |

Câu 9:

a,Đặc điểm cấu tạo nào của tế bào cơ phù hợp với chức năng co cơ?

b, Thế nào là sự mỏi cơ? Nguyên nhân của sự mỏi cơ? Các biện pháp chống mỏi cơ ?

c, Khi các em đi hoặc đứng, hãy để ý tìm hiểu xem lúc nào cả cơ gấp và cơ duỗi cẳng chân cùng co? Giải thích hiện tượng đó.

d,Có khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi của cùng một bộ phận cơ thể cùng co tối đa hoặc cùng duỗi tối đa? Vì sao?

\* Đáp án:

a, Đặc điểm cấu tạo nào của tế bào cơ phù hợp với chức năng co cơ là:

- Tế bào cơ gồm nhiều đơn vị cấu trúc nối liền với nhau nên tế bào cơ dài.

- Mỗi đơn vị cấu trúc có các tơ cơ dày và tơ cơ mảnh bố trí xen kẽ nhau để khi tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày sẽ làm cơ ngắn lại tạo nên sự cơ cơ.

b, - Mỏi cơ là hiện tượng biên độ co cơ giảm dần khi làm việc quá sức

- Nguyên nhân:

Do cơ thể không được cung cấp đủ ôxi nên tích tụ a xít lactic đầu độc cơ

- Biện pháp:

+ Có kế hoạch làm việc và nghỉ ngơi hợp lý, khoa học

+ Trong lao đông cần vừa sức, công việc phải phù hợp với lứa tuổi

+ Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao

c, Khi đứng cả cơ gấp và cơ duỗi cẳng chân cùng co, nhưng không co tối đa. Cả 2 cơ đối kháng đều co tạo ra thế cân bằng giữ cho hệ thống xương chân thẳng để trọng tâm cơ thể rơi vào chân đế.

d- Không khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi của cùng một bộ phận cơ thể cùng co tối đa.

- Cơ gấp và cơ duỗi của 1 bộ phận cơ thể cùng duỗi tối đa khi các cơ này mất khả năng tiếp nhận kích thích do đó mất trương lực cơ (trường hợp người bị liệt)

Câu 10:

Những đặc điểm cấu tạo nào của hệ cơ và bộ xương người thích nghi với tư thế đứng thẳng và lao động. Chúng ta cần làm gì để cơ thể phát triển cân đối, khỏe mạnh?

\* Đáp án:

+Bộ xương: Hộp sọ phát triển, lồng ngực nở rộng sang 2 bên, cột sống cong 4 chỗ, xương chậu nở, xương đùi lớn, bàn chân hình vòm, xương gót phát triển

+Hệ cơ: Cơ vận động cánh tay, cẳng tay, bàn tay phát triển.

+ Để cơ thể phát triển khỏe mạnh cần luyện tập TDTT thường xuyên, lao động vừa sức.

Câu 11:

a,Thế nào là kháng nguyên, kháng thể.

b, Sự tương tác giữa kháng nguyên và kháng thể theo cơ chế nào.

c, Bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể như thế nào?

\* Đáp án:

a, Kháng nguyên: .........

Kháng thể: là .........

b, Cơ chế: Chìa khoá - ổ khoá

c, Bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng cách:

- Thực bào: Bạch cầu hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn, rồi tiêu hoá.

- Limphô B: Tiết kháng thể vô hiệu hoá vi khuẩn

- Limphô T: Phá hủy TB đã bị nhiễm vi khuẩn, bằng cách nhận diện và tiếp xúc trực tiếp.

Câu 12:

a, Ở người có mấy nhóm máu? Trình bày đặc điểm các nhóm máu đó.

b, Hoàn thành sơ đồ truyền máu sau?

c, Các nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu?

A

A

O O AB AB

B

B

\* Đáp án:

a,- Các nhóm máu ở người: 4 nhóm: Nhóm máu: A, B, O , AB

- Đặc điểm các nhóm máu:

+ Nhóm máu A: Hồng cầu chỉ có A, huyết tương không có α, chỉ có β.

+ Nhóm máu B: Hồng cầu chỉ có B, huyết tương không có β, chỉ có α

+ Nhóm máu O: Hồng cầu không có A và B, huyết tương có cả α, và β.

+ Nhóm máu AB:Hồng cầu có cả A và B, huyết tương không có α, và β

b- Sơ đồ truyền máu :

A

A

O O AB AB

B

B

c, -Các nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu.

+ Lựa chọn nhóm máu cho phù hợp ,tránh gây kết dính

+ Kiểm tra mầm bệnh trước khi truyền.

Câu 13:

a, Trình bày cấu tạo trong của tim.

b, Vì sao tim hoạt động cả đời mà không biết mệt mỏi ?

\* Đáp án:

a. Cấu tạo :

- Tim gồm 4 ngăn:

- Thành cơ tâm thất dày hơn thành cơ tâm nhĩ (TTT có thành cơ dày nhất)

- Giữa tâm nhĩ với tâm thất và giữa tâm nhĩ với động mạch có van tim để máu lưu thông 1 chiều.

b, Vì cả chu kỳ co tim là 0,8 giây trong đó thời gian tim nghỉ ngơi hoàn toàn là 0,4 giây, thời gian làm việc bằng thời gian nghỉ đó là thời gian đủ để cho cơ tim phục hồi hoàn toàn.

Câu 14:

a,Hô hấp là gì? Ý nghĩa của quá trình hô hấp?

b, Hô hấp gồm những giai đoạn chủ yếu nào?

c, Hô hấp có liên quan như thế nào với các hoạt động sống của tế bào và cơ thể?

\* Đáp án:

a, Hô hấp là quá trình cung cấp O2 cho các Tế bào cơ thể và thải khí CO2 ra ngoài.

b, Hô hấp gồm 3 giai đoạn:

- Sự thở

- Trao đổi khí ở phổi

- Trao đổi khí ở TB

c, ý nghĩa: Nhờ hô hấp mà O2 được lấy vào để ôxi hoá các hợp chất hữu cơ tạo ra năng lượng cần cho mọi hoạt động sống của cơ thể.

Câu 15:

Trình bày cơ chế của sự trao đổi khí ở phổi và tế bào.

\* Đáp án:

1. Sự TĐK ở phổi:

+ O2: khuếch tán từ phế nang vào máu.

+ CO2: khuếch tán từ máu vào phế nang ra ngoài.

2. Sự TĐK ở TB:

+ O2 : khuếch tán từ máu vào TB.

+ CO2: khuếch tán từ TB vào máu.

Câu 16:

Hãy đề ra các biện pháp bảo vệ hô hấp tránh tác nhân gây hại? Cần làm gì để có hệ hô hấp khỏe mạnh?

\* Đáp án:

- Các biện pháp bảo vệ hô hấp tránh tác nhân gây hại

+ Xây dựng môi trường trong sạch.

+ Không hút thuốc lá.

+ Đeo khẩu trang khi lao động ở nơi có nhiều bụi

-Để có hệ hô hấp khỏe mạnh cần

+Cần LTập TDTT phối hợp tập thở sâu và nhịp thở thường xuyên từ bé, sẽ có hệ hô hấp khỏe mạnh.

+Luyện tập TDTT phải vừa sức và luyện tập từ từ.

Câu 17:

Vai trò của quá trình tiêu hóa thức ăn?

\* Đáp án:

Nhờ quá trình tiêu hóa, thức ăn được biến đổi thành chất dinh dưỡng và chất thải cặn bã.

Câu 18:

Biến đổi lý, hóa học của thức ăn trong khoang miệng và dạ dày.

\* Đáp án:

- Biến đổi lý, hóa học của thức ăn trong khoang miệng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biến đổi thức ăn ở khoang miệng. | Các hoạt động tham gia. | Các thành phần tham gia hoạt động. | Tác dụng của hoạt động. |
| Biến đổi lí học | - Tiết nước bọt.  - Nhai.  - Đảo trộn thức ăn.  - Tạo viên thức ăn. | - Các tuyến nước bọt.  - Răng.  - Răng, lưỡi, các cơ môi và má. | - Làm ướt và mềm thức ăn.  - Làm mềm, nhuyễn thức ăn.  - Làm thức ăn thấm đẫm nước bọt.  - Tạo viên thức ăn vừa nuốt. |
| Biến đổi hóa học | Hoạt động của enzim amilaza trong nước bọt. | - Enzim amilaza . | - Biến đổi 1 phần tinh bột (chín) trong thức ăn thành đường mantôzơ. |

-Biến đổi lý, hóa học của thức ăn trong dạ dày

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biến đổi thức ăn ở dạ dày | Các hoạt động tham gia | Cơ quan hay TB thực hiện | Tác dụng của hoạt động |
| Biến đổi lí học | - Sự tiết dịch vị  - Sự co bóp của dạ dày | - Tuyến vị  - Các lớp cơ của dạ dày | - Hoà loãng thức ăn  - Đảo trộn thức ăn cho thấm đều dịch vị |
| Biến đổi hoá học | Hoạt động của enzim pepsin | Enzim pepsin | Phân cắt protein chuổi dài thành các chuổi ngắn 3-10 aa |